

Bản án số: 63/2018/HS-ST
Ngày: 21-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lưu Thị Mỹ Hương;

- *Thẩm phán:* Ông Lê Quân Vương;

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Đình Tiếp;

2. Ông Bùi Quang Ân;

3. Bà Thạch Thị Hai.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Ông Lê Huy Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa sơ thẩm, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 81/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn P, (tên gọi khác là Nguyễn Thanh T), sinh năm 1982, tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: Khóm M, phường N, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 5/12; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1948 và bà Phan Thị N, sinh năm 1951 (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1981, có 01 con sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; năm 2011, thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản sau đó bỏ trốn đến ngày 28/02/2018 bị bắt theo Quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương và tạm giam cho đến nay, (có mặt).

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Văn P: Bà Phạm Thị L – Luật sư Văn phòng Luật sư Phạm Thị L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, (có mặt).

Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ U, sinh năm 1965; nơi cư trú: Số 622/1, khu phố 2, phường P, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Lê Thúy H, sinh năm 1958, nơi cư trú: Số 155/A, tổ 5, khu phố 2, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Ông Ngô Văn T, sinh năm 1966, nơi cư trú: Số 214/2, khu phố 1B, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Dương, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Hồ Tấn P– Hiện chấp hành án tại Trại giam An Phước, Bộ công an, (vắng mặt).

2. Nguyễn Thành D- Hiện chấp hành án tại Trại giam An Phước, Bộ công an, (vắng mặt).

3. Trần Thị N- Hiện chấp hành án tại Trại giam An Phước, Bộ công an, (vắng mặt).

4. Dương Hồng H- Hiện chấp hành án tại Trại giam An Phước, Bộ công an, (vắng mặt).

5. Trịnh Thanh T- Hiện chấp hành án tại Trại giam Cây Cày, Bộ công an, (vắng mặt).

6. Ngô Thị M- Hiện chấp hành án tại Trại giam An Phước, Bộ công an, (vắng mặt).

7. Phan Thanh C- Hiện chấp hành án tại Trại giam An Phước, Bộ công an, (vắng mặt).

8. Bà Nguyễn Thị Tố P, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số 112/7/7 đường Nguyễn Thái H, khu phố 2, phường VB, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, (vắng mặt).

9. Ông Trần Văn C, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp 5, xã G, thị xã T, tỉnh Bình Dương, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2011, Nguyễn Văn P và các đồng phạm là Hồ Tấn P, Nguyễn Thành D, Trần Thị N, Phan Thanh C, Dương Hồng H, Trịnh Thanh T, Ngô Thị M, Trần Văn C, Nguyễn Thị Tố P, Lê Thanh G đã thực hiện nhiều vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương bằng thủ đoạn: Tiếp cận với những người có nhu cầu chuyển nhượng quyền sử dụng đất để xin phô tô giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), sau đó móc nối với một số đối tượng làm giả GCNQSDĐ và các giấy tờ liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất như: Sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân, giấy đăng ký kết hôn, giấy xác nhận tình trạng bất động sản và thuê người đóng giả chủ sử dụng đứng tên trong GCNQSDĐ, sau đó Nguyễn Văn P và đồng phạm tìm đến những người hành nghề cho vay nhận thế chấp GCNQSDĐ để vay tiền với hình thức làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và công chứng tại các Văn phòng công chứng. Cụ thể Nguyễn Văn P và đồng phạm đã thực hiện các vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau:

** Vụ thứ nhất:*

Tháng 02/2011, Trần Văn C biết bà Nguyễn Thị Kim H (sinh năm 1959, địa chỉ: Phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương) muốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên Trần Văn C đóng giả người có nhu cầu nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đến gặp bà Nguyễn Thị Kim H. Bà Nguyễn Thị Kim H dẫn Trần Văn C đi xem đất và đưa cho Trần Văn C bản phô tô GCNQSDĐ. Sau đó, Trần Văn C đem GCNQSDĐ phô tô về đưa cho Hồ Tấn P để Hồ Tấn P đưa cho Trịnh Thanh T thuê một người tên là K1 khoảng 50 tuổi ở khu vực chợ đầu mối, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (không xác định được nhân thân lai lịch) làm giả GCNQSDĐ số H03073 mang tên Nguyễn Thị Kim H do UBND huyện B cấp ngày 04/8/2008 với giá tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), một sổ hộ khẩu gia đình với giá tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) và một giấy chứng minh nhân dân mang tên bà Nguyễn Thị Kim H với giá tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), Trịnh Thanh T đưa các giấy tờ giả trên cho Hồ Tấn P và Hồ Tấn P kêu Nguyễn Văn P tìm thuê một người phụ nữ (không xác định được nhân thân lai lịch) đóng giả bà Nguyễn Thị Kim H.

Sau khi có được các giấy tờ giả và người đóng giả bà Nguyễn Thị Kim H thì Hồ Tấn P, Trần Thị N bàn bạc với nhau và kêu Nguyễn Thành D liên hệ với Nguyễn Thị N (sinh năm 1958, ngụ tại phường KB, thị xã T, tỉnh Bình Dương) để tìm người nhận thế chấp vay tiền, Nguyễn Thành D đi thuê nhà cho người đóng giả bà Nguyễn Thị Kim H ở tại khu vực phường N, thành phố D, tỉnh Bình Dương nhằm tạo lòng tin, sau đó liên hệ với ông Ngô Văn T, sinh năm 1956, ngụ tại khu phố 1B, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Dương là người cho vay tiền.

Ngày 24/3/2011, Nguyễn Thành D dẫn Nguyễn Thị N và ông Ngô Văn T đến xem nhà bà Nguyễn Thị Kim H giả sinh sống, sau đó Trần Văn C dẫn ông Ngô Văn T đi xem đất còn Hồ Tấn P, Nguyễn Văn P, Trần Thị N, Dương Hồng H, Lê Thanh G cùng đi theo nhưng ở ngoài chờ khi chiếm đoạt được tiền thì chia nhau. Sau khi xem đất và nhà xong, ông Ngô Văn T đồng ý cho vay tiền và hẹn gặp ở nhà Nguyễn Thị N để làm hợp đồng vay tiền, Nguyễn Thành D, Nguyễn Văn P cùng Nguyễn Thị Kim H giả đến nhà Nguyễn Thị N ký vay của ông Ngô Văn T số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) với lãi suất 06% tháng, Nguyễn Thành D ký là người làm chứng. Sau khi nhận tiền, Nguyễn Thị Kim H giả đưa tiền cho Nguyễn Thành D, Nguyễn Thành D trả cho Nguyễn Thị N 10% tiền dịch vụ số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), trả lãi suất tháng đầu là 6% số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) còn lại 126.000.000 đồng (một trăm hai mươi sáu triệu đồng) Nguyễn Thành D đem về quán cà phê “A Sao” gần cầu K, phường KB, thị xã T để chia nhau. Tại quán, cả nhóm chia như sau: Trần Thị N, Nguyễn Thành D, Trần Văn C, Lê Thanh G mỗi người 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); Dương Hồng H, Nguyễn Văn P mỗi người 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); người đóng giả tên Nguyễn Thị Kim H 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và Hồ Tấn P 61.000.000 đồng (sáu mươi một triệu đồng).

Ngày 24/5/2011, ông Ngô Văn T tố cáo hành vi của Nguyễn Văn P và đồng phạm đến Công an huyện T, tỉnh Bình Dương. Đồng thời ông Ngô Văn T giao nộp 01 giấy CNQSDĐ giả có số H03073, mang tên Nguyễn Thị Kim H.

Căn cứ bản kết luận giám định số: 533/GĐ-PC54 ngày 25/4/2012 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung: “ * Ủy ban nhân dân huyện B-tỉnh Bình Dương” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) là giả được làm bằng phương pháp in lưới.

- Chữ ký Phó chủ tịch Nguyễn Hữu C trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) với chữ ký Chủ tịch Nguyễn Hữu C trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) là không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn có nội dung: “ * U.B.N.D xã Thới Hòa H. B T. Bình Dương” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) là giả được làm bằng phương pháp in phun màu điện tử.

** Vụ thứ hai:*

Tháng 4/2011, thông qua Dương Hồng H, Nguyễn Thành D biết ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1963, ngụ tại khu phố BP, phường BC, thị xã B, tỉnh Bình Dương cần chuyển nhượng QSDĐ diện tích 33.098 m² theo GCNQSDĐ số BB 468741 do UBND huyện T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/11/2010, tọa lạc tại thị trấn V, huyện T nên Nguyễn Thành D, Dương Hồng H đến gặp và được ông Nguyễn Văn M dẫn Nguyễn Thành D, Dương Hồng H dẫn đi xem đất và cho bản phô tô GCNQSDĐ. Nguyễn Thành D đem về đưa cho Hồ Tấn P và Hồ Tấn P đưa cho Trịnh Thanh T thuê người tên là K1 làm giả GCNQSDĐ số BB 468741 do UBND huyện T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/11/2010 với giá tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), một sổ hộ khẩu gia đình với giá tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) và hai giấy chứng minh nhân dân mang tên ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị S với giá tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Sau khi có được GCNQSDĐ giả, Hồ Tấn P kêu Nguyễn Văn P tìm người đóng giả ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị S nên Nguyễn Văn P kêu Ngô Thị M đóng giả bà Nguyễn Thị S và thuê một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) đóng giả ông Nguyễn Văn M. Sau đó, Nguyễn Thành D và Hồ Tấn P liên hệ với Nguyễn Thanh T, sinh năm 1971, ngụ tại tổ 3, khu phố KT, thị trấn TP, huyện T, tỉnh Bình Dương để xin số điện thoại của bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1964, tạm trú tại ô 52, đường Trần P, phường N, thành phố D (là người môi giới bất động sản) nhờ tìm người cho vay tiền để thế chấp GCNQSDĐ vay số tiền 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng). Sau khi liên hệ Nguyễn Thành D được bà Nguyễn Thị Thu H cho biết bà Nguyễn Thị Lệ U, sinh năm 1965, ngụ tại số 26/3, tổ 3 khu phố 2, phường P, thành phố D có nhận thế chấp GCNQSDĐ cho vay số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng). Nguyễn Văn P đóng giả cháu ông Nguyễn Văn M và cùng Trần Văn C đến gặp và dẫn bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Lệ U đi xem đất, sau đó Nguyễn Văn P dẫn bà Nguyễn Thị Lệ U, bà Nguyễn Thị Thu H đến chỗ ở của Nguyễn Văn P ở khu dân cư TG để bàn bạc về việc cho vay, phí

dịch vụ, lãi suất và hện đến Văn phòng công chứng Bình Dương ở thị xã B để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Khoảng 08 giờ ngày 20/4/2011, Hồ Tấn P, Trần Thị N, Nguyễn Thành D, Trần Văn C, Lê Thanh G, Ngô Thị M, Nguyễn Văn P và người đàn ông đóng giả ông Nguyễn Văn M hẹn gặp nhau tại quán cà phê gần ngã tư S và phân công từng người: Nguyễn Văn P, Ngô Thị M và người đóng giả ông Nguyễn Văn M đi xe taxi đến văn phòng công chứng Bình Dương; Hồ Tấn P chở Dương Hồng H bằng xe mô tô đứng ở bên ngoài Văn phòng công chứng; Trần Văn C chở Nguyễn Thành D bằng xe mô tô đến Văn phòng công chứng để Nguyễn Thành D đưa hồ sơ cho T1 và H1 là người môi giới dịch vụ công chứng nộp hồ sơ công chứng, còn Trần Văn C đứng ngoài cổng chờ Nguyễn Thành D. Sau khi phân công, Nguyễn Thành D, Nguyễn Văn P, Ngô Thị M và người đóng giả ông Nguyễn Văn M cùng bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Lệ U đến phòng công chứng để làm thủ tục công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Khi ký công chứng xong thì bà Nguyễn Thị Lệ U trừ tiền dịch vụ và lãi suất 15% và giao cho Ngô Thị M, ông Nguyễn Văn M giả số tiền 2.550.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng), Ngô Thị M và người đóng giả ông Nguyễn Văn M giao lại toàn bộ số tiền này cho Nguyễn Thành D rồi cả nhóm đến một quán cà phê ở khu vực ngã tư SS. Tại quán cà phê, Nguyễn Thành D chia cho Trần Văn C, Lê Thanh G, Ngô Thị M mỗi người 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); Nguyễn Văn P 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); người đóng giả ông Nguyễn Văn M 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng). Khi về phòng trọ của Nguyễn Thành D thì Nguyễn Thành D chia cho Hồ Tấn P, Trần Thị N và Nguyễn Thành D mỗi người 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng); Nguyễn Thành D và Hồ Tấn P khai chia cho Dương Hồng H 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) nhưng Dương Hồng H khai chỉ được chia 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); Nguyễn Thành D khai đưa cho T1 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) nhưng T1 không thừa nhận; còn H1 khai chỉ nhận 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) tiền dịch vụ. Số tiền còn lại cả nhóm sử dụng vào việc trả nợ và tiêu xài chung.

Ngày 16/5/2011, bà Nguyễn Thị Lệ U tố cáo hành vi của Nguyễn Văn P cùng đồng phạm đến Công an tỉnh Bình Dương. Đồng thời bà Nguyễn Thị Lệ U giao nộp GCNQSDĐ giả số BB 468741 do UBND huyện T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/11/2010 mang tên Nguyễn Văn M và Nguyễn Thị S.

Căn cứ bản kết luận giám định số: 915/GĐ-PC54 ngày 12/6/2012 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

- Phôi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (ký hiệu A1) là giả được làm bằng phương pháp in phun màu điện tử.

- Hình dấu tròn có nội dung: “*U B N D H T T Bình Dương” và chữ ký Phó Chủ tịch Võ Văn D trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) với mẫu dấu tròn có cùng nội dung và chữ ký Võ Văn D trên tài liệu so sánh (ký hiệu M1) là không phải do cùng một con dấu đóng và một người ký ra.

- Dấu vân tay mang tên Nguyễn Thị S trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) với dấu vân tay ngón trỏ phải in trên chỉ bản đứng tên Ngô Thị M, sinh năm 1977, nơi ĐKKHKT: xã O, huyện Q, tỉnh Kiên Giang (ký hiệu M2) là của cùng một người in ra.

** Vụ thứ ba:*

Tháng 5/2011, Nguyễn Thành D và Trần Văn C, Nguyễn Văn P thấy diện tích đất trống kế bên đất của ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị S nên Nguyễn Thành D kêu Dương Hồng H đến gặp ông Nguyễn Văn M hỏi tên, địa chỉ của chủ đất để xin GCNQSDĐ bản phô tô thì được ông Nguyễn Văn M cho biết chủ đất là ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1967 và bà Trương Hải T, sinh năm 1979, cùng ngụ tại khu phố BP, phường BC, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Dương Hồng H đến gặp và được ông Nguyễn Thanh T và bà Trương Hải T cho một bản phô tô GCNQSDĐ diện tích đất 2.050 m², tọa lạc tại thị trấn V, huyện T, tỉnh Bình Dương. Sau khi có GCNQSDĐ phô tô, Dương Hồng H đưa cho Hồ Tấn P và Hồ Tấn P đưa cho Trịnh Thanh T thuê người tên K1 làm giả GCNQSDĐ số CH00535 do UBND huyện T cấp ngày 13/11/2010, cấp cho chủ đất Nguyễn Thanh T và Trương Hải T với giá tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), một sổ hộ khẩu gia đình với giá tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) và hai giấy chứng minh nhân dân mang tên ông Nguyễn Thanh T và bà Trương Hải T với giá tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Sau khi có được GCNQSDĐ giả, Hồ Tấn P kêu Nguyễn Văn P tìm người đóng giả ông Nguyễn Thanh T và bà Trương Hải T. Nguyễn Văn P thuê một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) đóng giả ông Nguyễn Thanh T và kêu Nguyễn Thị Tố P đóng giả bà Trương Hải T là chủ đất. Sau đó, Hồ Tấn P, Trần Thị N, Nguyễn Thành D tiếp tục liên hệ với Nguyễn Thị Thu H (là người môi giới bất động sản) gặp bà Nguyễn Thị Lệ U để thế chấp vay tiền. Nguyễn Văn P và Trần Văn C dẫn bà Nguyễn Thị Lệ U, bà Nguyễn Thị Thu H đi xem đất và hai bên thỏa thuận vay số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) bằng hình thức chuyển nhượng quyền sử dụng đất để đảm bảo tiền vay và công chứng tại Văn phòng công chứng.

Ngày 06/5/2011, Nguyễn Văn P, người đàn ông đóng giả ông Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thị Tố P đóng giả bà Trương Hải T cùng với bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Lệ U đến Văn phòng công chứng T lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, còn Hồ Tấn P, Trần Thị N, Dương Hồng H, Trần Văn C, Nguyễn Thành D, Lê Thanh G, Ngô Thị M, Phan Thanh C, N2 (N2 không rõ nhân thân lai lịch) đứng ở bên ngoài chờ Nguyễn Văn P và Phương. Bà Hà, bà Nguyễn Thị Lệ U vào Văn phòng công chứng để làm thủ tục công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, khi ký công chứng xong thì bà Nguyễn Thị Lệ U, bà Nguyễn Thị Thu H cùng với Nguyễn Thị Tố P, ông Nguyễn Thanh T giả về nhà bà Nguyễn Thị Thu H ở khu dân cư N, thành phố D, tỉnh Bình Dương, sau khi trừ tiền dịch vụ và lãi suất 15%, bà Nguyễn Thị Lệ U giao cho Nguyễn Thị Tố P, ông Nguyễn Thanh T giả số tiền 425.000.000 đồng (bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng). Lấy được tiền, Nguyễn Thị Tố P và ông Nguyễn Thanh T giả đem về quán cà phê “Cau Vàng” ở gần ngã ba NS đưa cho Hồ Tấn P, Nguyễn Thành D và Trần Thị N.

Tại quán, cả nhóm chia cho từng người như sau: Hồ Tấn P, Nguyễn Thành D và Nam khai: Nam, Dương Hồng H, Trần Văn C, Nguyễn Thành D, Lê Thanh G, Ngô Thị M, Phan Thanh C mỗi người 20.000.000 đồng; người đàn ông đóng giả Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Tố P và N2 mỗi người 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); Nguyễn Văn P 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); Hồ Tấn P 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), số còn lại cả bọn tiêu xài chung. Tuy nhiên: Dương Hồng H khai được chia: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); Phan Thanh C khai được chia: 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng); Nguyễn Thị Tố P và Ngô Thị M khai mỗi người được chia: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), Nguyễn Văn P khai được chia: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Ngày 06/5/2011, bà Nguyễn Thị Lệ U giao nộp 01 giấy GCNQSDĐ giả số CH00535 do UBND huyện T cấp ngày 13/11/2010 mang tên Nguyễn Thanh T và Trương Hải T.

Căn cứ bản kết luận giám định số: 531/GĐ-PC54 ngày 23/4/2012 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung: “*U B N D H T T Bình Dương trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) là giả được làm bằng phương pháp in lưới.

- Chữ ký Phó chủ tịch Võ Văn D trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ ký trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 và M2) là không phải do cùng một người ký ra.

** Vụ thứ tư:*

Tháng 5/2011, Nguyễn Thành D và Dương Hồng H biết ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1961, ngụ tại khu phố BP, phường BC, thị xã B, tỉnh Bình Dương có diện tích đất 14.660 m², tọa lạc tại phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương muốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên Nguyễn Thành D và Dương Hồng H đóng giả người có nhu cầu nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đến gặp ông Nguyễn Văn B để xin GCNQSDĐ bản phô tô của ông Nguyễn Văn B. Sau khi xin được bản phô tô GCNQSDĐ Nguyễn Thành D đưa cho Hồ Tấn P để Hồ Tấn P đưa cho Trịnh Thanh T thuê người tên K1 làm giả GCNQSDĐ số CH00379 do UBND huyện T cấp ngày 27/5/2010, cấp cho chủ đất Nguyễn Văn B với giá tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), một sổ hộ khẩu gia đình với giá tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) và hai giấy chứng minh nhân dân mang tên ông Nguyễn Văn B, bà H2 với giá tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Sau khi có được GCNQSDĐ giả, Hồ Tấn P kêu Nguyễn Văn P tìm người đóng giả ông Nguyễn Văn B, bà H2. Nguyễn Văn P thuê một người đàn ông và một người phụ nữ (không rõ nhân thân lai lịch) đóng giả ông Nguyễn Văn B, bà H2, còn Nguyễn Thành D thuê nhà cho hai người đóng giả ở tại khu vực phường BC, thị xã B, tỉnh Bình Dương để tạo lòng tin đối với người cho vay tiền; tiếp đó Trần Văn C và Nguyễn Văn P liên hệ và dẫn bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963, ngụ tại ấp Long Bình, phường KB, thị xã T (là người môi giới bất động sản) đi xem đất của ông Nguyễn Văn B, bà H2. Sau khi đi xem đất, bà Nguyễn Thị C giới thiệu đến gặp bà Lê Thúy H, sinh năm 1958, ngụ tại khu phố 2, phường V, thị xã

T để thỏa thuận vay tiền thì được bà Lê Thúy H đồng ý cho vay 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) bằng hình thức vay có tài sản đảm bảo và công chứng tại Văn phòng công chứng.

Ngày 14/5/2011, Nguyễn Văn P cùng với hai người đóng giả ông Nguyễn Văn B, bà H2 vào Văn phòng công chứng V ký công chứng hợp đồng vay tiền, còn Hồ Tấn P, Nam, Dương Hồng H, Nguyễn Thành D, Trần Văn C, Lê Thanh G, U (U chưa rõ nhân thân lai lịch) đứng ở bên ngoài chờ Nguyễn Văn P. Sau khi ký xong hợp đồng, Nguyễn Văn P và hai người đóng giả ông Nguyễn Văn B, bà H2 đến nhà bà Lê Thúy H ở phường V nhận số tiền 606.000.000 đồng (sáu trăm lẻ sáu triệu đồng) đã trừ tiền dịch vụ và lãi suất số tiền 94.000.000 đồng (chín mươi tư triệu đồng). Sau khi ông Nguyễn Văn B, bà H2 giả lấy được tiền, cả nhóm đến quán cà phê “Góc Phố” gần ngã tư BC để chia tiền. Tại quán, cả nhóm chia như sau: Hồ Tấn P, Nguyễn Thành D và Trần Thị N khai: Trần Thị N, Dương Hồng H, Trần Văn C, U mỗi người 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); Nguyễn Thành D, Lê Thanh G, H2 giả, Nguyễn Văn B giả mỗi người được 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), Nguyễn Văn P 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), Hồ Tấn P 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), số tiền còn lại chi cho ăn uống và trả tiền thuê nhà. Riêng Dương Hồng H không thừa nhận tham gia vụ này.

Ngày 14/7/2011, bà Lê Thúy H tố cáo hành vi của Nguyễn Văn P và đồng phạm đến Công an huyện T, tỉnh Bình Dương. Đồng thời bà Lê Thúy H giao nộp 01 giấy GCNQSDĐ giả số CH00379 do UBND huyện T cấp ngày 27/5/2010, cấp cho chủ đất Nguyễn Văn Bón.

Căn cứ bản kết luận giám định số: 532/GĐ-PC54 ngày 25/4/2012 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung: “*U B N D H T T Bình Dương” tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) là giả được làm bằng phương pháp in lưới.

- Chữ ký Phó chủ tịch Võ Văn D trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) với chữ ký Võ Văn D trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1) là không phải do cùng một người ký ra.

- Hình dấu tròn có nội dung: “*U B N D thị trấn V H. T T. Bình Dương” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) với mẫu hình dấu tròn có nội dung “*U. B. N. D thị trấn V H. T T. Bình Dương” và “*U. B. N. D thị trấn V H. T T. Bình Dương” trên tài liệu so sánh (ký hiệu M4 và M5) là không phải do một con dấu đóng ra.

- Chữ ký Chủ tịch Nguyễn Văn S trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) với mẫu chữ ký Chủ tịch Nguyễn Văn S trên tài liệu so sánh (ký hiệu M3) không cùng dạng nên không tiến hành giám định so sánh.

Như vậy, Nguyễn Văn P tham gia cùng đồng phạm thực hiện 04 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chiếm đoạt của ông Ngô Văn T số tiền 126.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Lệ U số tiền 2.975.000.000 đồng, bà Lê Thúy H số tiền 606.000.000

đồng. Tổng số tiền Nguyễn Văn P và đồng phạm đã chiếm đoạt là 3.707.000.000 đồng, Nguyễn Văn P được chia số tiền 225.000.000 đồng.

Nguyễn Văn P sau khi thực hiện hành vi phạm tội bỏ trốn. Ngày 28/02/2018, bị bắt theo Quyết định truy nã số 06 ngày 07/7/2014 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương và khai nhận hành vi phạm tội cùng đồng phạm.

Hành vi phạm tội của Hồ Tấn P, Nguyễn Thành D, Trần Thị N, Dương Hồng H, Trịnh Thanh T, Ngô Thị M, Nguyễn Thị Tố P, Trần Văn C, Phan Thanh C; vật chứng liên quan đến vụ án và trách nhiệm bồi thường dân sự đã được giải quyết theo Bản án sơ thẩm số 06/2015/HS-ST ngày 23/3/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đối với Lê Thanh G sau khi phạm tội đã bỏ trốn. Ngày 07/7/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương ra Quyết định truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Các đối tượng đóng giả Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn B, Trần Thị H2, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh nhân thân lai lịch, khi nào làm rõ sẽ xem xét xử lý sau.

Tại Bản cáo trạng số 23/CT-VKSBD.P2 ngày 16/10/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố: Bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Các bị hại có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và đề nghị xét xử bị cáo Nguyễn Văn P theo đúng quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, đã được giải quyết theo quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2015/HSST ngày 23/3/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương nên các bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn P. Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 13 (mười ba) năm đến 15 (mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng, không đặt ra xem xét.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Văn P trình bày: Người bào chữa thống nhất về phần tội danh và điều luật mà đại diện Viện Kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo và đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau: Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân tốt, điều kiện hoàn cảnh khó khăn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật

Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử bị cáo mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã đề nghị.

Bị cáo thông nhất với lời bào chữa của luật sư, không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời nói sau cùng, bị cáo rất hối hận về hành vi của mình mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo, bị cáo, bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Văn P: Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian khoảng từ tháng 02/2011 đến tháng 5/2011, Nguyễn Văn P cùng đồng phạm thực hiện 04 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn dùng giấy chứng minh nhân dân, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ giả khác để chuyển nhượng, thế chấp vay tiền đã chiếm đoạt của bị hại bà Nguyễn Thị Lệ U 02 lần với số tiền 2.975.000.000 đồng; chiếm đoạt của ông Ngô Văn T với số tiền 126.000.000 đồng; bà Lê Thúy H số tiền 606.000.000 đồng. Tổng số tiền chiếm đoạt là 3.707.000.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt được, bị cáo Nguyễn Văn P và đồng phạm chia nhau tiêu xài, Nguyễn Văn P được chia số tiền 225.000.000 đồng. Do đó, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung là “*chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại nơi xảy ra vụ án, gây tâm lý hoang mang cho người dân tại địa phương. Về nhận thức, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, tư lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện, bất chấp hậu quả. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với vai trò, mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện nhằm có tác dụng trừng trị, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức độ hành vi, hậu quả của tội phạm mà bị cáo đã gây ra để xử phạt bị cáo một mức án cho phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về phần hình phạt đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như đã phân tích trên, đề nghị của người bào chữa về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hành vi phạm tội của Hồ Tấn P, Nguyễn Thành D, Trần Thị N, Dương Hồng H, Trịnh Thanh T, Ngô Thị M, Nguyễn Thị Tố P, Trần Văn C, Phan Thanh C đã được giải quyết theo Bản án sơ thẩm số 06/2015/HS-ST ngày 23/3/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và Quyết định đình chỉ xét xử Nguyễn Văn P thẩm số 503/2015/HSPT-QĐ ngày 15/10/2015 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Về trách nhiệm dân sự đối với bà Nguyễn Thị Lệ U, ông Ngô Văn T và bà Lê Thúy H đã được giải quyết tại Bản án sơ thẩm số 06/2015/HS-ST ngày 23/3/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương nên Hội đồng xét xử không đưa ra xem xét. Trường hợp Hồ Tấn P, Trần Thị N, Dương Hồng H, Nguyễn Thành D, Trần Văn C, Ngô Thị M, Phan Thanh C, Nguyễn Thị Tố P đã thực hiện nghĩa vụ bồi thường theo phần quyết định của Bản án sơ thẩm số 06/2015/HS-ST ngày 23/3/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thì khi có yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn P hoàn trả số tiền mà mình đã bồi thường, sẽ giải quyết thành vụ án dân sự khác.

[8] Về xử lý vật chứng: Không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn P phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 329, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn P 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2018.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

3/ Về xử lý vật chứng: Không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Văn P phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- | | |
|--|---|
| - VKSND cấp cao tại Tp Hồ Chí Minh; | 1 |
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Phòng PC01 - Công an tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Cục THADS tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Bị cáo; bị hại; người có QLNVLQ; | 4 |
| - Trại tạm giam – Công an tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Luật sư bào chữa cho bị cáo; | 1 |
| - Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; | 3 |
| - Lưu: Tổ HCTP, HSVA, Tòa HS. | |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Lưu Thị Mỹ Hương